

BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: 11/2005/TT-BXD

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2005***THÔNG TƯ****Hướng dẫn kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng**

Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21/10/2004 của Chính phủ quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Bộ Xây dựng hướng dẫn công tác kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG**1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn việc kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng của các công trình xây dựng quy định tại

Điều 28 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Chủ đầu tư, các nhà thầu xây dựng, các tổ chức chứng nhận chất lượng trong và ngoài nước thực hiện việc kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo các quy định tại Thông tư này.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các công trình phải có chứng nhận sự phù hợp về chất lượng trước khi đưa vào sử dụng là công trình khi xảy ra sự cố có nguy cơ gây thảm họa đối với người, tài sản và môi trường gồm: công trình tập trung đông người như nhà hát, rạp chiếu bóng, rạp xiếc, hội trường, trường học, sân vận động, nhà thi đấu, siêu thị và các công trình xây dựng có chức năng tương tự; nhà chung cư, công trình bệnh viện, nhà làm việc, công trình khách sạn,

công trình hóa chất, hóa dầu, chế biến khí, kho chứa dầu, khí không phân biệt cấp và các công trình đê, đập, cầu, hầm từ cấp II trở lên;

b) Các công trình được chứng nhận chất lượng khi có yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền; các tổ chức bán bảo hiểm; tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc quản lý công trình (gọi tắt là bên yêu cầu).

3. Nội dung kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng:

a) Đối với đối tượng công trình quy định tại điểm a, khoản 2, Mục I của Thông tư này; tùy theo yêu cầu về an toàn đặt ra cho công trình; nội dung kiểm tra, chứng nhận chất lượng phù hợp có thể là một, một số hoặc toàn bộ các nội dung sau:

- An toàn về khả năng chịu lực của công trình;
- An toàn sử dụng, khai thác và vận hành công trình;
- An toàn về phòng cháy và chữa cháy;
- An toàn môi trường.

b) Đối với công trình quy định tại điểm b, khoản 2, Mục I của Thông tư này: Phạm vi kiểm tra chứng nhận sự phù hợp là một bộ phận, một hạng mục hoặc toàn bộ công trình theo các tiêu chí chất lượng cụ thể do bên yêu cầu đặt ra.

4. Giải thích từ ngữ

a) Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng (Sau đây gọi tắt là chứng nhận chất lượng công trình) là xác nhận chất lượng công trình xây dựng được hoàn thành phù hợp với yêu cầu sử dụng, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng cho công trình, thiết kế của công trình đã được phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

b) Tổ chức chứng nhận chất lượng công trình xây dựng (Sau đây gọi tắt là tổ chức chứng nhận chất lượng) là tổ chức có năng lực phù hợp với loại và cấp công trình thực hiện công việc kiểm tra và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng.

II. KIỂM TRA, CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Lựa chọn tổ chức chứng nhận chất lượng

a) Đối với công trình phải có chứng nhận chất lượng, Chủ đầu tư lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức chứng nhận chất lượng có năng lực theo quy định tại khoản 5, Mục II của Thông tư này phù hợp với loại và cấp công trình để thực hiện việc kiểm tra và chứng nhận chất lượng. Riêng đối với nội dung chuyên

ngành như an toàn về phòng cháy và chữa cháy, an toàn lao động, đánh giá tác động môi trường; tổ chức chứng nhận được lựa chọn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các tổ chức thực hiện việc chứng nhận chất lượng phải đảm bảo nguyên tắc hoạt động độc lập, không bị ràng buộc về lợi ích kinh tế, không có quan hệ về tổ chức hoặc các hình thức ràng buộc khác với Chủ đầu tư, với Nhà thầu thiết kế, Nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng vật tư - thiết bị, Tư vấn quản lý dự án và Tư vấn giám sát thi công xây dựng của chính đối tượng công trình được chứng nhận chất lượng.

b) Đối với công trình được chứng nhận chất lượng khi có yêu cầu, Chủ đầu tư lựa chọn ký hợp đồng kiểm tra, chứng nhận chất lượng với tổ chức chứng nhận chất lượng. Nội dung chứng nhận được xác định tùy thuộc vào yêu cầu của bên có yêu cầu chứng nhận chất lượng. Tổ chức chứng nhận chất lượng phải đảm bảo nguyên tắc hoạt động độc lập, khách quan như quy định tại điểm a nêu trên và phải được bên có yêu cầu chứng nhận chất lượng công trình thỏa thuận lựa chọn.

2. Trình tự và phương pháp kiểm tra chất lượng công trình xây dựng

a) Tùy thuộc nội dung kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng nêu tại khoản 3

Mục I của Thông tư này, tổ chức chứng nhận chất lượng lập trình tự và phương pháp kiểm tra, chứng nhận chất lượng và phải được chủ đầu tư thỏa thuận.

b) Trình tự kiểm tra về chất lượng công trình xây dựng có thể được chia thành các công đoạn kiểm tra sau: hồ sơ thiết kế, vật tư, thiết bị, công tác thi công các bước và công trình sau khi hoàn thành. Tùy theo nội dung yêu cầu chứng nhận chất lượng, việc kiểm tra có thể thực hiện đối với một, một số hoặc toàn bộ các công đoạn trên.

c) Phương pháp kiểm tra là xem xét hồ sơ nghiệm thu chất lượng của chủ đầu tư và kiểm tra xác suất chất lượng công trình. Trong quá trình kiểm tra nếu thấy nghi ngờ về chất lượng thì phải yêu cầu chủ đầu tư làm rõ. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức chứng nhận chất lượng có thể yêu cầu chủ đầu tư tổ chức kiểm tra lại thiết kế và phúc tra chất lượng công trình để có đủ căn cứ kết luận về chất lượng.

3. Chứng nhận chất lượng công trình xây dựng

a) Tổ chức chứng nhận chất lượng cấp giấy chứng nhận chất lượng cho công trình theo nội dung tương ứng với phần công việc chứng nhận mà mình đã thực hiện;

b) Đối với công trình phải có chứng nhận chất lượng, giấy chứng nhận chất lượng công trình là căn cứ để đưa công

trình vào khai thác, sử dụng. Nội dung và mẫu giấy chứng nhận chất lượng theo quy định tại phụ lục của Thông tư này. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi 01 bản sao giấy chứng nhận chất lượng cùng báo cáo kết quả kiểm tra liên quan tới công tác chứng nhận chất lượng cho cơ quan quản lý nhà nước xây dựng ở địa phương để kiểm tra và quản lý;

c) Đối với công trình được chứng nhận chất lượng khi có yêu cầu, giấy chứng nhận chất lượng là xác nhận chủ đầu tư đã đáp ứng yêu cầu về chứng nhận chất lượng do bên yêu cầu đặt ra.

d) Việc chứng nhận chất lượng của tổ chức chứng nhận chất lượng không thay thế và không làm giảm bớt trách nhiệm của các bên có liên quan đến chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết khiếu nại về kết quả chứng nhận chất lượng công trình xây dựng

Kết quả chứng nhận chất lượng cần được xem xét lại khi có khiếu nại của một trong các bên có liên quan. Trong trường hợp các bên không tự giải quyết được tranh chấp thì khiếu nại được gửi tới cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương để giải quyết.

5. Điều kiện năng lực đối với tổ chức chứng nhận chất lượng công trình xây dựng

a) Tổ chức chứng nhận chất lượng phải

có đủ điều kiện năng lực hoạt động tư vấn xây dựng theo quy định của pháp luật phù hợp với loại, cấp công trình và nội dung chứng nhận chất lượng. Về kinh nghiệm tối thiểu đã từng tham gia một trong các hoạt động tư vấn xây dựng sau: quản lý dự án, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng và kiểm định chất lượng công trình xây dựng trong thời gian liên tục 5 năm gần nhất và không có vi phạm trong hoạt động xây dựng.

b) Các cá nhân trực tiếp thực hiện công tác kiểm tra và chứng nhận chất lượng phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoặc giám sát thi công xây dựng phù hợp với công việc được phân công thực hiện. Các cá nhân này không có vi phạm trong hoạt động xây dựng trong thời gian 3 năm gần nhất. Cán bộ đảm nhận cương vị chủ trì công việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng phải có trên 10 năm công tác trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp.

III. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Quyền hạn và nghĩa vụ của chủ đầu tư

a) Quyền hạn:

- Được quyền lựa chọn tổ chức chứng nhận chất lượng phù hợp với loại và cấp công trình;

- Được quyền khiếu nại về kết quả chứng nhận chất lượng công trình xây dựng;

- Được thực hiện các quyền khác theo hợp đồng đã cam kết với tổ chức chứng nhận chất lượng và theo quy định của pháp luật.

b) Nghĩa vụ:

- Phải tổ chức thực hiện việc chứng nhận chất lượng công trình đối với công trình bắt buộc phải có chứng nhận chất lượng;

- Duyệt dự toán và ký kết hợp đồng kiểm tra, chứng nhận chất lượng với tổ chức chứng nhận;

- Có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ tài liệu các chứng chỉ có liên quan và tạo mọi điều kiện cho hoạt động chứng nhận chất lượng;

- Phải thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương về kế hoạch kiểm tra và chứng nhận chất lượng công trình sau khi ký hợp đồng kiểm tra, chứng nhận chất lượng. Gửi giấy và hồ sơ chứng nhận chất lượng cho cơ quan này ngay sau khi có kết quả chứng nhận chất lượng để kiểm tra và quản lý.

- Chỉ được phép đưa công trình vào sử dụng khi có đủ chứng nhận chất lượng theo quy định;

- Phải thanh toán chi phí chứng nhận chất lượng cho tổ chức chứng nhận chất lượng kể cả khi không được cấp giấy chứng nhận do chất lượng công trình không đảm bảo.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo hợp đồng cam kết với các bên có liên quan.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của tổ chức chứng nhận chất lượng

a) Quyền hạn:

- Được quyền yêu cầu chủ đầu tư và nhà thầu cung cấp các tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, chứng nhận chất lượng công trình xây dựng;

- Được quyền từ chối cấp giấy chứng nhận chất lượng cho công trình khi chất lượng công trình không đáp ứng được yêu cầu của thiết kế, tiêu chuẩn và quy chuẩn áp dụng cho công trình;

- Thực hiện các quyền khác theo hợp đồng cam kết với chủ đầu tư và theo quy định của pháp luật.

b) Nghĩa vụ:

- Phải đảm bảo tính trung thực, khách quan trong quá trình kiểm tra, chứng nhận chất lượng công trình;

- Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư, trước pháp luật về kết quả kiểm tra và

chúng nhận chất lượng công trình của mình.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng

a) Quyền hạn:

- Được quyền khiếu nại về kết quả chứng nhận chất lượng công trình xây dựng.

- Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

b) Nghĩa vụ:

- Cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng theo yêu cầu của tổ chức chứng nhận chất lượng và của chủ đầu tư;

- Tạo điều kiện để tổ chức chứng nhận chất lượng làm việc thuận lợi;

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

IV. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Bộ Xây dựng

a) Thống nhất quản lý và hướng dẫn hoạt động chứng nhận chất lượng công trình và quản lý các tổ chức chứng nhận chất lượng trong phạm vi cả nước;

b) Kiểm tra tình hình hoạt động chứng nhận chất lượng công trình xây dựng. Phối hợp cùng với cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng ở địa phương kiểm tra hoạt động chứng nhận chất lượng đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng cấp I và cấp đặc biệt khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương.

c) Giải quyết các khiếu nại về kết quả chứng nhận chất lượng công trình do cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương yêu cầu.

d) Có quyền đình chỉ công việc chứng nhận chất lượng nếu phát hiện thấy có vi phạm và chỉ định tổ chức chứng nhận chất lượng khác thực hiện công việc này khi cần thiết.

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng - Bộ Xây dựng là đầu mối giúp Bộ Xây dựng thực hiện các công việc nêu trên.

2. Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

a) Hướng dẫn hoạt động chứng nhận chất lượng đối với công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý;

b) Kiểm tra tình hình hoạt động chứng nhận chất lượng đối với công trình xây dựng chuyên ngành. Phối hợp với Bộ Xây dựng và cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương kiểm tra hoạt động chứng nhận chất lượng của công

trình xây dựng chuyên ngành cấp I và cấp đặc biệt khi cần thiết theo phân cấp.

c) Có quyền đình chỉ công việc chứng nhận chất lượng nếu phát hiện thấy có vi phạm trong công tác chứng nhận chất lượng công trình và có quyền chỉ định các tổ chức chứng nhận chất lượng khác thực hiện công việc này.

d) Định kỳ 6 tháng, báo cáo về Bộ Xây dựng tình hình hoạt động chứng nhận chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Hướng dẫn hoạt động kiểm tra, chứng nhận chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý;

b) Kiểm tra hoạt động chứng nhận chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn. Tiếp nhận và quản lý giấy chứng nhận chất lượng do Chủ đầu tư gửi và tổng hợp báo cáo về Bộ Xây dựng. Phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành kiểm tra hoạt động chứng nhận chất lượng đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt.

c) Giải quyết các khiếu nại kết quả chứng nhận chất lượng công trình trên địa bàn, trường hợp phức tạp báo cáo về Bộ Xây dựng hoặc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để có hướng dẫn thực hiện.

d) Có quyền đình chỉ công việc chứng nhận chất lượng đối với các công trình trên địa bàn nếu phát hiện thấy có vi phạm trong công tác chứng nhận chất lượng công trình và chỉ định tổ chức chứng nhận thực hiện công việc này khi thấy cần thiết.

Sở Xây dựng là đầu mối, phối hợp cùng với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công việc trên và định kỳ 6 tháng 1 lần báo cáo về Bộ Xây dựng tình hình hoạt động chứng nhận chất lượng công trình xây dựng tại địa phương.

4. Xử lý vi phạm

a) Tổ chức chứng nhận chất lượng tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo các hình thức sau:

- Đình chỉ công việc chứng nhận nếu không tuân thủ nội dung, trình tự thực hiện theo quy định của Thông tư này.

- Thu hồi giấy phép kinh doanh, hoàn trả kinh phí và bồi thường theo quy định của pháp luật nếu cố tình chứng nhận không đúng với chất lượng công trình.

b) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc kiểm tra chứng nhận chất lượng công trình xây dựng nếu vi phạm các quy định của thông tư này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. Nếu gây thiệt

hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

V. CHI PHÍ KIỂM TRA, CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Đối với các công trình phải có chứng nhận chất lượng: Chi phí kiểm tra và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng do chủ đầu tư trả cho tổ chức chứng nhận chất lượng được lấy từ chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Khi chi phí kiểm tra và chứng nhận chất lượng vượt quá 35% chi phí giám sát thi công xây dựng của chính đối tượng được chứng nhận chất lượng, thì chủ đầu tư trình người quyết định đầu tư quyết định.

2. Đối với các công trình được chứng nhận chất lượng khi có yêu cầu: Chi phí kiểm tra và chứng nhận chất lượng do Chủ đầu tư hoặc do bên có yêu cầu chứng nhận chất lượng công trình trả thông qua thỏa thuận với chủ đầu tư.

3. Tổ chức chứng nhận chất lượng có trách nhiệm lập dự toán cho công việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng tương ứng với nội dung và phạm vi kiểm tra, chứng nhận chất lượng trình chủ đầu tư phê duyệt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện

a) Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp, các chủ đầu tư, các tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Xây dựng để nghiên cứu, giải quyết.

b) Đối với công trình đang xây dựng hoặc đã xây dựng xong thuộc đối tượng phải có chứng nhận chất lượng thì chủ đầu tư phải thuê tổ chức chứng nhận có năng lực phù hợp với loại cấp công trình để kiểm tra hồ sơ nghiệm thu công trình. Tổ chức chứng nhận chất lượng có thể yêu cầu chủ đầu tư kiểm định lại chất lượng khi thấy cần thiết trước khi cấp giấy chứng nhận chất lượng phù hợp.

2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

KT. BỘ TRƯỞNG

Thủ trưởng

Nguyễn Văn Liên

Phụ lục*(ban hành kèm theo Thông tư số 11/2005/TT-BXD ngày 14/7/2005)*

Tên tổ chức chứng nhận chất lượng và lô gô (nếu có)

Số:.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

- Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số/2005/TT-BXD ngày .../7/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Hợp đồng kiểm tra, chứng nhận chất lượng.....

CHỨNG NHẬN

(1) đảm bảo an toàn (2)..... phù hợp với: (3)..... tại thời điểm kiểm tra, chứng nhận chất lượng.

Giấy chứng nhận này là căn cứ để đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

....., ngày..... tháng năm.....

Đại diện <Tổ chức cấp chứng nhận>

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên công trình, hạng mục hoặc bộ phận công trình được kiểm tra, chứng nhận chất lượng.

(2) Tiêu chí về an toàn được chứng nhận theo quy định tại khoản 3 Mục I của Thông tư này.

(3) Ghi rõ tên hồ sơ thiết kế được duyệt, tên và số tiêu chuẩn, quy chuẩn và các văn bản quy phạm pháp luật khác được đối chiếu nếu có.